

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Sĩ Tú	Chủ tịch
Ông Lê Trung Hà	Phó chủ tịch
Ông Hoàng Linh Sơn	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Sinh	Thành viên
Ông Mai Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Thành viên
Bà Vũ Hoàng Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Trung Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Linh Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 29 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032903/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Inlaco (Công ty con). Theo ước tính của kiểm toán viên, số dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần phải trích lập là 10.195.885.868 đồng. Theo đó, trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" (mã số 254) đã trình bày thấp hơn số tiền là 10.195.885.868 đồng. Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" (mã số 22) đã trình bày thấp hơn số tiền là 10.195.885.868 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 50) đã trình bày cao hơn số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 956.436.014 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 111.607.580.362 đồng. Đây là những dấu hiệu ảnh hưởng đến giả định liên tục hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.415.889.276	22.733.742.069
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.019.874.457	5.404.579.229
1. Tiền	111	V.1	11.019.874.457	5.404.579.229
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.337.290.940	9.342.680.501
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.244.393.296	6.405.886.387
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		454.131.320	575.609.702
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	9.207.742.138	3.599.124.977
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.568.975.814)	(1.437.940.565)
IV. Hàng tồn kho	140		3.287.180.621	5.840.201.195
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.287.180.621	5.840.201.195
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.771.543.258	1.146.281.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	714.838.031	627.824.001
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		873.720.445	335.472.361
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	182.984.782	182.984.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.080.764.368	145.360.636.816
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	147.096.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	147.096.000
II. Tài sản cố định	220		-	124.354.591.556
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	124.354.591.556
- Nguyên giá	222		4.632.288.498	232.602.609.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.632.288.498)	(108.248.017.775)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		97.929.100	97.929.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.929.100)	(97.929.100)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	14.000.000.000	14.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		80.764.368	6.858.949.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	80.764.368	6.858.949.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.496.653.644	168.094.378.885

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		46.616.851.627	145.117.778.221
I. Nợ ngắn hạn	310		28.987.877.262	49.586.035.731
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	6.997.991.694	9.242.305.456
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		341.613.160	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	8.820.950	33.642.350
4. Phải trả người lao động	314		11.280.918.324	10.938.053.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.292.946.877	164.374.424
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	2.258.222.661	2.160.161.136
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	4.561.165.000	25.571.300.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.246.198.596	1.476.198.596
II. Nợ dài hạn	330		17.628.974.365	95.531.742.490
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.000.000.000	1.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	578.396.490	830.472.490
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	16.050.577.875	93.701.270.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(4.120.197.983)	22.976.600.664
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	(4.120.197.983)	22.976.600.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.003.910.000	61.003.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.003.910.000	61.003.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		47.158.330.000	47.158.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(685.057.621)	(685.057.621)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.200.000	10.200.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(111.607.580.362)	(84.510.781.715)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(84.510.781.715)	(102.303.183.304)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(27.096.798.647)	17.792.401.589
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.496.653.644	168.094.378.885

[Handwritten signature]

Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 03 năm 2018

[Handwritten signature]

Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Trần Trung Hà
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	84.889.367.853	83.403.775.959
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.889.367.853	83.403.775.959
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	81.661.151.336	78.271.183.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.228.216.517	5.132.592.531
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	928.565.736	1.890.253.382
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.224.603.932	6.994.656.535
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.063.139.193	4.346.724.787
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.904.146.936	8.845.852.660
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.971.968.615)	(8.817.663.282)
10. Thu nhập khác	31	VI.6	3.641.865.829	35.024.767.027
11. Chi phí khác	32	VI.7	23.766.695.861	1.710.221.987
12. Lợi nhuận khác	40		(20.124.830.032)	33.314.545.040
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(27.096.798.647)	24.496.881.758
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	6.704.480.169
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(27.096.798.647)	17.792.401.589
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

[Handwritten signature]

Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 03 năm 2018

[Handwritten signature]

Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Lê Trung Hà
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	152.929.070.080	121.827.680.883
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(72.551.135.301)	(48.198.005.625)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(73.735.219.208)	(54.789.388.799)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(845.121.740)	(4.456.021.724)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(6.704.480.169)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	700.810.011	3.804.901.220
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(448.933.900)	(19.051.356.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.049.469.942	(7.566.670.550)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-	(11.730.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	97.098.412.125	47.020.883.795
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(8.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000	8.100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	928.565.736	132.478.069
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	98.226.977.861	46.941.631.864
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	475.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(98.660.827.125)	(56.934.528.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(98.660.827.125)	(56.459.528.728)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.615.620.678	(17.084.567.414)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.404.579.229	22.482.514.660
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(325.450)	6.631.983
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.019.874.457	5.404.579.229



Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 03 năm 2018



Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Le Trung Hà
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 77/1999/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải "về việc chuyển Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty Cổ phần".

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 1999 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 61.003.910.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 375 người (31 tháng 12 năm 2016 là 397 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tổ chức tuyển và đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên hợp tác lao động với nước ngoài;
- Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động;
- Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước; và
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá; Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có hai là chi nhánh tại Hà Nội, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và một công ty con.

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ INLACO được thành lập theo chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0201604876 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ của công ty là 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn). Hoạt động chính là vận tải đường bộ, đường biển và đào tạo huấn luyện thuyền viên, đưa người đi lao động và làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Inlaco là 77,78%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Chi nhánh

Chi nhánh tại Hà Nội: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động chi nhánh số 311313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 1999 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Chi nhánh có địa chỉ tại số 04 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Ngành nghề kinh doanh chính là đào tạo nâng cao chuyên môn ngoại ngữ cho cán bộ công nhân đi hợp tác lao động ở nước ngoài; Đưa người đi lao động và làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động chi nhánh số 310496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 1999 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Chi nhánh có địa chỉ tại số 33 Trịnh Văn Cấn, phường Cầu Ông Lãnh, quận I, thành Phố Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh chính là tổ chức tuyển và đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên đi hợp tác lao động nước ngoài; Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận hàng hoá và môi giới hàng hải và dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa nhỏ cho tàu biển trong và ngoài nước.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số II- "Cơ sở lập Báo cáo tài chính" trong Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 956.436.014 đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ liên tục trong các năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lỗ lũy kế của Công ty là 111.607.580.362 đồng. Vấn đề này đã được trình bày và giải trình trên Thư giải trình của Ban Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty: Nhật ký chung

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM CODE có thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản phí bảo hiểm thuyền viên, phí bảo hiểm thân tàu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (tàu biển), công cụ dụng cụ xuất dùng. Thời gian phân bổ không quá 03 năm đối với sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ, không quá 01 năm đối với phí bảo hiểm thân tàu và được phân bổ đều vào các kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	444.627.594	491.155.770
Tiền gửi ngân hàng	10.575.246.863	4.913.423.459
Cộng	11.019.874.457	5.404.579.229

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH KDK Ship Charter	762.446.875	763.900.000
Công ty TNHH MTV VTB Gemadept	754.748.906	-
Công ty TNHH Xuân Việt	454.333.631	454.333.631
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	386.504.000	-
Các khoản phải thu khác	886.359.884	5.187.652.756
Cộng	3.244.393.296	6.405.886.387

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược	2.564.609.440	1.743.005.696
Tạm ứng	701.632.549	314.959.313
Phải thu khác	5.941.500.149	1.541.159.968
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam về chi phí lên đà tàu</i>	5.834.465.649	-
<i>Phải thu thuyền viên</i>	16.568.500	27.859.000
<i>Phải thu của Bảo hiểm PVI</i>	-	1.513.245.968
<i>Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Inlaco bảo hiểm xã hội thuyền viên</i>	90.466.000	-
<i>Phải thu khác</i>	-	55.000
Cộng	9.207.742.138	3.599.124.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	31/12/2017			01/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
	VND	VND		VND	VND		
Vitranchartt QN	Trên 3 năm	191.884.805	-	191.884.805	191.884.805	-	191.884.805
Công ty Xuân Việt	Trên 3 năm	454.333.631	-	454.333.631	454.333.631	-	454.333.631
Chi nhánh công ty Xuân Việt	Trên 3 năm	117.598.378	-	117.598.378	117.598.378	-	117.598.378
Công ty Anh Phát	Trên 3 năm	40.000.000	-	40.000.000	40.000.000	-	40.000.000
Công ty CP Mặt trời việt	Trên 3 năm	180.000.000	-	180.000.000	180.000.000	-	180.000.000
Công ty CP KCN Phà Rừng	Trên 3 năm	30.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-	30.000.000
Công ty TNHH Việt Thắng	Trên 3 năm	20.387.000	-	20.387.000	20.387.000	-	20.387.000
Ký quỹ radio cho tàu Friendship	Trên 3 năm	-	-	-	17.040.000	-	17.040.000
Ký quỹ radio tàu Union	Từ 1 năm đến 2 năm	18.176.000	18.176.000	-	18.176.000	9.088.000	9.088.000
Thuê tàu ILC Friendship	Từ 1 năm đến 2 năm	762.446.875	227.674.875	534.772.000	755.217.502	377.608.751	377.608.751
Cộng		1.814.826.689	245.850.875	1.568.975.814	1.824.637.316	386.696.751	1.437.940.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Hàng tồn kho**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.209.740.621	5.809.281.195
Công cụ, dụng cụ	77.440.000	30.920.000
Cộng	3.287.180.621	5.840.201.195

7. Chi phí trả trước*a. Chi phí trả trước ngắn hạn*

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phí bảo hiểm tàu	592.677.985	589.907.974
Bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên	45.077.276	37.916.027
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	77.082.770	-
Cộng	714.838.031	627.824.001

b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	5.476.682.325
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.368.516.935
Chi phí trả trước dài hạn khác	80.764.368	13.750.000
Cộng	80.764.368	6.858.949.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	2.346.157.830	230.102.682.411	153.769.090	232.602.609.331
Giảm khác (*)	-	(227.970.320.833)	-	(227.970.320.833)
Tại ngày 31/12/2017	2.346.157.830	2.132.361.578	153.769.090	4.632.288.498
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	2.346.157.830	105.757.421.503	144.438.442	108.248.017.775
Khấu hao trong năm	-	11.103.964.350	9.330.648	11.113.294.998
Giảm khác (*)	-	(114.729.024.275)	-	(114.729.024.275)
Tại ngày 31/12/2017	2.346.157.830	2.132.361.578	153.769.090	4.632.288.498
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	-	124.345.260.908	9.330.648	124.354.591.556
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	-

(*) Tại ngày 22 tháng 08 năm 2017, Công ty bàn giao tàu Inlaco Brave cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam để thực hiện nghĩa vụ nợ theo thỏa thuận nhận gán nợ bằng tài sản đảm bảo và Hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản là tàu biển số 01.2017/HĐCQSH/MSB-ILC.

Tại ngày 26 tháng 10 năm 2017, Công ty bàn giao tàu ILC Union cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam để thực hiện nghĩa vụ nợ theo thỏa thuận nhận gán nợ bằng tài sản đảm bảo và Hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản là tàu biển số 02.2017/HĐCQSH/MSB-ILC.

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	97.929.100	97.929.100
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 31/12/2017	97.929.100	97.929.100
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	97.929.100	97.929.100
Tại ngày 31/12/2017	97.929.100	97.929.100
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	1.400.000	14.000.000.000	(*)	-	1.400.000	14.000.000.000	(*)	-
Cộng		14.000.000.000				14.000.000.000		

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ sở hữu nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ INLACO	Hải Phòng	77,78%	77,78%	Vận tải đường biển, đường bộ và cho thuê thuyền viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Phải trả người bán

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Glander International Bunkering	1.453.914.306	1.888.241.964
Cãng phí nước ngoài	795.754.750	282.891.000
Công ty TNHH MTV Ba Son	736.604.307	-
Công ty Fratelli Cosulich Hongkong	730.910.575	3.306.729.600
Phải trả cho các đối tượng khác	3.280.807.756	3.764.442.892
Cộng	6.997.991.694	9.242.305.456

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% tất cả các khoản công nợ phải trả người bán.

b. Phải trả người bán dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP vận tải biển Ngọc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

12. Thuế và các khoản phải thu/ phải trả Nhà nước

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.984.782	-	-	182.984.782
Cộng	182.984.782	-	-	182.984.782
	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	8.820.950	161.167.000	185.988.400	33.642.350
Cộng	8.820.950	161.167.000	185.988.400	33.642.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả	2.292.946.877	74.929.424
Chi phí sửa chữa tàu	-	89.445.000
Cộng	2.292.946.877	164.374.424

14. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	951.299.144	612.217.129
Bảo hiểm xã hội	789.809.036	597.685.615
Phải trả thuyền viên	313.364.379	704.794.820
Các khoản phải trả, phải nộp khác	203.750.102	245.463.572
Cộng	2.258.222.661	2.160.161.136

b. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	400.000.000	600.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	178.396.490	230.472.490
Cộng	578.396.490	830.472.490

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀISố 4, Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	01/01/2017 VND
Dự án Inlaco land	35.300.000			35.300.000
Cộng vay ngắn hạn	35.300.000	-	-	35.300.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.16)	4.525.865.000			25.536.000.000
Tổng	4.561.165.000			25.571.300.000

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	01/01/2017 VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*)	16.050.577.875	-	97.098.412.125	113.148.990.000
Vay cá nhân (**)	4.525.865.000	-	1.562.415.000	6.088.280.000
Vay dài hạn	20.576.442.875	-	98.660.827.125	119.237.270.000
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(4.525.865.000)			(25.536.000.000)
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	(4.525.865.000)			(25.536.000.000)
Cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.050.577.875			93.701.270.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.525.865.000	25.536.000.000
Trong năm thứ hai	16.050.577.875	43.228.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	50.472.470.000
Cộng	20.576.442.875	119.237.270.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	4.525.865.000	25.536.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	16.050.577.875	93.701.270.000

(*) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0126/009/HP, ngày 26 tháng 06 năm 2009 số tiền nhận nợ là 5.850.000 USD, thời hạn vay là 10 năm 3 tháng, lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD thời hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + 3%/năm. Công ty sử dụng vốn tiền vay để mua tàu Inlaco Brave, tài sản đảm bảo là tàu Inlaco Brave.
- Hợp đồng tín dụng số 0090/10/HP, ngày 04 tháng 10 năm 2010, số tiền nhận nợ là 5.500.000 USD, thời hạn vay là 12 năm 8 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD thời hạn 13 tháng trả lãi sau (+) biên độ 3,5%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để mua tàu ILC Union, tài sản đảm bảo là tàu ILC Union.

(**) Chi tiết các khoản vay dài hạn cá nhân

Cá nhân	31/12/2017			
	Số tiền vay VND	Số tiền vay USD	Lãi suất %/năm	Thời hạn Tháng
Tạ Tuyết Minh	500.000.000		8,00%	24
Hà Hoàng Hải	784.702.500	34.500	3,00%	24
Lê Bích Ngọc	739.212.500	32.500	3,00%	24
Phan Việt Thịnh	909.800.000	40.000	3,00%	24
Phạm Việt Dũng	909.800.000	40.000	3,00%	24
Phạm Quốc Phương	682.350.000	30.000	3,00%	24
Tổng cộng	4.525.865.000	177.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	61.003.910.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(102.303.183.304)	5.184.199.075
Lãi trong năm					17.792.401.589	17.792.401.589
Tại ngày 01/01/2017	61.003.910.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(84.510.781.715)	22.976.600.664
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(27.481.246.675)	(27.481.246.675)
Tại ngày 31/12/2017	<u>61.003.910.000</u>	<u>47.158.330.000</u>	<u>(685.057.621)</u>	<u>10.200.000</u>	<u>(111.992.028.390)</u>	<u>(4.504.646.011)</u>

b. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.100.391	6.100.391
- Cổ phiếu phổ thông	6.100.391	6.100.391
Số lượng cổ phiếu quỹ	21.320	21.320
- Cổ phiếu phổ thông	21.320	21.320
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.079.071	6.079.071
- Cổ phiếu phổ thông	6.079.071	6.079.071

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	68.820.974.349	70.827.912.361
Doanh thu dịch vụ hàng hải	1.925.047.639	1.556.193.367
Doanh thu cho thuê thuyền viên	13.580.800.037	10.513.433.873
Doanh thu cho thuê văn phòng	562.545.828	506.236.358
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.889.367.853	83.403.775.959

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	78.939.745.294	75.650.980.696
Giá vốn dịch vụ hàng hải	507.358.504	353.328.254
Giá vốn cho thuê thuyền viên	1.921.465.084	1.996.690.728
Giá vốn cho thuê văn phòng	292.582.454	270.183.750
Cộng	81.661.151.336	78.271.183.428

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.102.986	132.478.069
Lãi chênh lệch tỷ giá	858.462.750	1.757.775.313
Cộng	928.565.736	1.890.253.382

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	3.063.139.193	4.346.724.787
Lỗ chênh lệch tỷ giá	161.464.739	2.605.690.358
Lãi do nộp chậm bảo hiểm	-	42.241.390
Cộng	3.224.603.932	6.994.656.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.745.873.313	5.604.448.036
Chi phí đồ dùng văn phòng	114.821.704	140.283.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.330.648	14.833.332
Thuế, phí và lệ phí	35.826.000	8.782.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.627.950.947	2.158.929.746
Chi phí bằng tiền khác	370.344.324	918.575.547
Cộng	7.904.146.936	8.845.852.660

6. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán Tài sản cố định	-	33.505.738.604
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	3.561.535.829	1.513.245.968
Các khoản khác	80.330.000	5.782.455
Cộng	3.641.865.829	35.024.767.027

7. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chuyển nhượng tài sản	20.150.853.998	-
Chi phí sửa chữa tàu	3.392.894.264	1.410.331.728
Chi phí do bắt giữ nhằm tàu Brave	-	294.590.259
Chi phí lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	59.973.738	-
Chi phí khác	162.973.861	5.300.000
Cộng	23.766.695.861	1.710.221.987

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****9. Chi phí theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.474.904.095	25.759.509.719
Chi phí nhân công	16.824.065.335	16.245.569.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.113.294.998	15.212.854.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.747.307.133	25.292.241.160
Chi phí khác bằng tiền	4.405.726.711	4.606.861.099
Cộng	89.565.298.272	87.117.036.088

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**I. Giao dịch với các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco

Mối quan hệ

Công ty con

Trong năm có các giao dịch với bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi cho vay		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	4.161.000	14.544.444

Số dư các bên liên quan như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	-	200.000.000
Cộng	-	200.000.000
Các khoản phải thu khác		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	90.466.000	-
Cộng	90.466.000	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương thù lao HĐQT và BGD	1.004.915.000	1.105.676.000
Cộng	1.004.915.000	1.105.676.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.



Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 03 năm 2018



Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Lê Trung Hà
Giám đốc